TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2026/DS-ST
Ngày: 18-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Quốc Tuấn
Bà Mai Thị Kim Hương

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Nhàn - Thư ký Tòa án, Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Anh Thi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2026/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N.
Địa chỉ trụ sở: Số B C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngô Phúc V, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Đức T, chức vụ: chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ liên hệ: Lầu F, Số D L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số 604/2026/UQ-AMC ngày 20/4/2026). (Có mặt)
Bị đơn: ông Lê Hoàng M, sinh năm 1961
Địa chỉ: Số C T, phường L, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2025, các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N do ông Huỳnh Đức T đại diện trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần N và ông Lê Hoàng M đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0073/2024/604-TD-CV ngày 29/7/2024 và Giấy nhận nợ số 02/GNN-0073/2024/604-TD-CV ngày 28/3/2025, cụ thể nội dung như sau: Hạn mức tín dụng: 1.480.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn

lưu động kinh doanh; Lãi suất cho vay: 7,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

Ngày 01/8/2024 Ngân hàng thương mại cổ phần N và ông Lê Hoàng M đã ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0174/2024/604-CV để ông Lê Hoàng M được cấp và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức thẻ là 70.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên thì ông Lê Hoàng M có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần N Hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) số 0029/2024/604-TD-BĐ ngày 29/7/2024 để thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 2-11a, địa chỉ tại Số C T, khu phố B, phường D, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh); Diện tích: 100m^2; Hình thức sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: đất ở đô thị; Thời hạn sử dụng: lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; tài sản trên đất gồm: nhà ở cấp 4, năm hoàn thành xây dựng 2004, diện tích xây dựng 56,5m^2, diện tích sàn 56,5m^2, kết cấu: cột BTCT, nền gạch ceramic, mái tole F, theo Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 772759, Số vào sổ cấp GCN: CH 00568 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An cấp ngày 24/09/2010 cho ông Lê Hoàng M.

Ngân hàng thương mại cổ phần V1 đã giải ngân cho ông Lê Hoàng M tổng số tiền là 1.480.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 02/GNN-0073/2024/604-TD-CV ngày 28/3/2025 và giao cho ông Lê Hoàng M thẻ tín dụng như Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0174/2024/604/CV ngày 01/8/2024 đã ký kết, hạn mức thẻ là 70.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông Lê Hoàng M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết nên khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 28/11/2025.

Cho đến nay ông Lê Hoàng M còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0073/2024/604-TD-CV ngày 29/7/2024 và Giấy nhận nợ số 02/GNN-0073/2024/604-TD-CV ngày 28/3/2025 là 1.480.000.000đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 18/6/2026 là 187.862.179đ (Một trăm tám mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn một trăm bảy mươi chín đồng), tiền nợ gốc của thẻ tín dụng tính đến ngày 18/6/2026 là 69.096.385đ (Sáu mươi chín triệu không trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng) và tiền lãi của thẻ tín dụng tính đến ngày 18/6/2026 là 36.242.443đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng), tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 1.773.201.007đ (Một tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu hai trăm lẻ một nghìn không trăm lẻ bảy đồng)

Ngân hàng thương mại cổ phần N yêu cầu ông Lê Hoàng M trả tổng số tiền nợ là 1.773.201.007đ (Một tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu hai trăm lẻ một nghìn không trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0073/2024/604-TD-CV ngày 29/7/2024 và Giấy nhận nợ số 02/GNN-0073/2024/604-TD-CV ngày 28/3/2025 là 1.480.000.000đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 18/6/2026 là 187.862.179đ (Một trăm

tám mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn một trăm bảy mươi chín đồng) và tiền nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 18/6/2026 là 105.338.828đ (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng). Phương thức trả nợ là trả một lần. Yêu cầu ông Lê Hoàng M tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng trên số tiền thực nợ kể từ ngày 19/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Đồng thời yêu cầu ông Lê Hoàng M tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) số 0029/2024/604-TD-BĐ ngày 29/7/2024 để đảm bảo thi hành án.

* Bị đơn ông Lê Hoàng M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

* Tại phiên toà, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N do ông Huỳnh Đức T đại diện trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần N yêu cầu ông Lê Hoàng M trả tổng số tiền nợ là 1.773.201.007đ (Một tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu hai trăm lẻ một nghìn không trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0073/2024/604-TD-CV ngày 29/7/2024 và Giấy nhận nợ số 02/GNN-0073/2024/604-TD-CV ngày 28/3/2025 là 1.480.000.000đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 18/6/2026 là 187.862.179đ (Một trăm tám mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn một trăm bảy mươi chín đồng) và tiền nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 18/6/2026 là 105.338.828đ (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng). Phương thức trả nợ là trả một lần. Yêu cầu ông Lê Hoàng M tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng trên số tiền thực nợ kể từ ngày 19/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Đồng thời yêu cầu ông Lê Hoàng M tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) số 0029/2024/604-TD-BĐ ngày 29/7/2024 để đảm bảo thi hành án.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0073/2024/604-TD-CV ngày 29/7/2024, Giấy nhận nợ số 02/GNN-0073/2024/604-TD-CV ngày 28/3/2025 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0174/2024/604-CV ngày 01/8/2024 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N với ông Lê Hoàng M có chữ ký ông M, bảng chi tiết tính lãi, xác định ông M có vay Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền 1.480.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh; Lãi suất cho vay: 7,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03

tháng/lần và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần N với hạn mức thẻ là 70.000.000 đồng. Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông M trả nợ, nhưng ông M vẫn không thực hiện nên khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 28/11/2025.

Vì vậy, có căn cứ xác định, tính đến nay, ông M còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền gốc, tiền lãi và tiền nợ thẻ tín dụng là 1.773.201.007đ (Một tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu hai trăm lẻ một nghìn không trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0073/2024/604-TD-CV ngày 29/7/2024 và Giấy nhận nợ số 02/GNN-0073/2024/604-TD-CV ngày 28/3/2025 là 1.480.000.000đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 18/6/2026 là 187.862.179đ (Một trăm tám mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn một trăm bảy mươi chín đồng) và tiền nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 18/6/2026 là 105.338.828đ (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có lời khai thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M nhưng ông M vẫn cố tình trốn tránh. Do đó, việc Ngân hàng thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu buộc ông M phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tổng số tiền tạm tính đến ngày đến ngày 18/6/2026 là 1.773.201.007đ (Một tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu hai trăm lẻ một nghìn không trăm lẻ bảy đồng), yêu cầu ông M tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 18/6/2026 là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Xét yêu cầu tiếp tục hợp đồng thế chấp để đảm bảo việc thi hành án: Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) số 0029/2024/604-TD-BĐ ngày 29/7/2024 được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo đúng theo quy định pháp luật nên yêu cầu tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) số 0029/2024/604-TD-BĐ ngày 29/7/2024 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N và ông M để đảm bảo thi hành án đối với khoản nợ vay của ông M theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0073/2024/604-TD-CV ngày 29/7/2024 và Giấy nhận nợ số 02/GNN-0073/2024/604-TD-CV ngày 28/3/2025 là có căn cứ theo Điều 317, Điều 319 Bộ luật Dân sự.

Ông M phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, hoàn tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngân hàng thương mại cổ phần N có đơn khởi kiện đối với ông Lê Hoàng M về yêu cầu trả số nợ vay trong hợp đồng vay tài sản làm phát sinh vụ án tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông

Lê Hoàng M có nơi cư trú tại phường L, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, ông Lê Hoàng M đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt, người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số nợ vay: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0073/2024/604-TD-CV ngày 29/7/2024 và Giấy nhận nợ số 02/GNN-0073/2024/604-TD-CV ngày 28/3/2025 có chữ ký của ông M và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: vào ngày 28 tháng 3 năm 2025, ông Lê Hoàng M có vay Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền 1.480.000.000đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng), hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Vì vậy, có căn cứ xác định giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N và ông M đã xác lập với nhau hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Hoàng M đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 28/11/2025. Đến nay ông M còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền 1.773.201.007đ (Một tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu hai trăm lẻ một nghìn không trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0073/2024/604-TD-CV ngày 29/7/2024 và Giấy nhận nợ số 02/GNN-0073/2024/604-TD-CV ngày 28/3/2025 là 1.480.000.000đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 18/6/2026 là 187.862.179đ (Một trăm tám mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn một trăm bảy mươi chín đồng), tiền nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 18/6/2026 là 105.338.828đ (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng).

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định cho ông M thể hiện việc Ngân hàng thương mại cổ phần N khởi kiện nhưng ông M vắng mặt và không có ý kiến, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Do ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N là có căn cứ, buộc ông M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N nợ vay gốc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0073/2024/604-TD-CV ngày 29/7/2024 và Giấy nhận nợ số 02/GNN-0073/2024/604-TD-CV ngày 28/3/2025 là 1.480.000.000đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 18/6/2026 là 187.862.179đ (Một trăm tám mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn một trăm bảy mươi chín đồng), tiền nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 18/6/2026 là 105.338.828đ (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng), tổng

cộng nợ gốc, nợ lãi và nợ thẻ tín dụng là 1.773.201.007đ (Một tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu hai trăm lẻ một nghìn không trăm lẻ bảy đồng) là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0073/2024/604-TD-CV ngày 29/7/2024 và Giấy nhận nợ số 02/GNN-0073/2024/604-TD-CV ngày 28/3/2025, ông Lê Hoàng M đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) số 0029/2024/604-TD-BĐ ngày 29/7/2024 với Ngân hàng thương mại cổ phần N, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 2-11a, địa chỉ tại Số C T, khu phố B, phường D, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh); Tài sản trên đất gồm: nhà ở cấp 4, cùng các quyền, lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng đất nêu trên.

Hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) số 0029/2024/604-TD-BĐ ngày 29/7/2024 được Văn phòng C vào ngày 29/7/2024 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố T, tỉnh Long An (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 30/7/2024 là đúng theo quy định của pháp luật nên hợp pháp.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần N về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho Ngân hàng thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 299, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về chi phí tố tụng: ông Lê Hoàng M có nghĩa vụ chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần N đã nộp tạm ứng số tiền trên. Do đó, ông Lê Hoàng M có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[5] Về án phí: ông Lê Hoàng M có nghĩa vụ chịu 65.196.030đ (Sáu mươi lăm triệu một trăm chín mươi sáu nghìn không trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng thương mại cổ phần N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn trả tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 299, Điều 317, Điều 318 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N.

1.1. Về số nợ vay: Buộc ông Lê Hoàng M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền nợ vay gốc là 1.480.000.000đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 18/6/2026 là 187.862.179đ (Một trăm tám mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn một trăm bảy mươi chín đồng), tiền nợ gốc của thẻ tín dụng tính đến ngày 18/6/2026 là 69.096.385đ (Sáu mươi chín triệu không trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng) và tiền lãi của thẻ tín dụng tính đến ngày 18/6/2026 là 36.242.443đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng). Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 1.773.201.007đ (Một tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu hai trăm lẻ một nghìn không trăm lẻ bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 18/6/2026, ông Lê Hoàng M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Về xử lý tài sản thế chấp: Khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà ông Lê Hoàng M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi, thì các tài sản đã thế chấp để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng thương mại cổ phần N theo Hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) số 0029/2024/604-TD-BĐ ngày 29/7/2024 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N với ông Lê Hoàng M được phát mãi để đảm bảo thi hành án đối với số nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần N, bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 2-11a, địa chỉ tại Số C T, khu phố B, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh); Diện tích: 100m^2; Hình thức sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: đất ở đô thị; Thời hạn sử dụng: lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Tài sản trên đất gồm: nhà ở cấp 4; năm hoàn thành xây dựng: 2004; diện tích xây dựng 56,5m^2; diện tích sàn 56,5m^2; kết cấu: cột BTCT, nền gạch ceramic, mái tole F, theo Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 772759, Số vào sổ cấp GCN: CH00568 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An cấp ngày 24/09/2010 cho ông Lê Hoàng M.

2. Về chi phí tố tụng: ông Lê Hoàng M phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần N đã nộp tạm ứng số tiền trên nên ông Lê Hoàng M có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

3. Về án phí: ông Lê Hoàng M có nghĩa vụ chịu 65.196.030đ (Sáu mươi lăm triệu một trăm chín mươi sáu nghìn không trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.549.000đ (Ba mươi triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004803 ngày 12/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Cẩm Nhung